

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-PT

Ngày: 22-3-2023

V/v “tranh chấp di sản thừa kế và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DSST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 347/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 208/TB-TA ngày 13/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Linh Thị C, sinh năm 1948; cư trú tại: Số 831/27 Quốc lộ 20, Tổ M, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bà C: Ông Huỳnh D, sinh năm 1950; cư trú tại: Số 831/27 Quốc lộ 20, Tổ M, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Linh Thị C:

Ông Trần Quang C, sinh năm: 1959; ông Nông X H, sinh năm: 1959. Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Quang C - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Ông Phan Tấn V, sinh năm: 1956. Luật sư của Văn phòng Luật sư NT - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Linh Thị U (Linh Thị Đ), sinh năm 1953; cư trú tại: Số 848/8 Quốc lộ 20, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Vy Văn X, sinh năm 1956; cư trú tại: Số 848/8 Quốc lộ 20, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2/ Ông Vy Văn Đ, sinh năm 1974; có mặt.

3/ Ông Vy Thế V, sinh năm 1979; có mặt.

4/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1986; có mặt.

5/ Bà Luân Thị Y, sinh năm 1982; có mặt.

6/ Cháu Vy Đức K, sinh năm 2002; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Hẻm 1064 Quốc lộ 20, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

7/ Ủy ban nhân dân huyện ĐT.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Nguyễn Văn C1, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch).

Ông Phan Anh T, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2150/UBND ngày 01/10/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Ông Linh Văn Đ1, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 62/2 L, Tổ T, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2/ Ông Lý Văn L, sinh năm 1954; cư trú tại: Tổ B, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

3/ Bà Vy Thị T, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 19 H, Tổ BB, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

4/ Ông Chu Văn C2, sinh năm 1956; cư trú tại: Số 149 L, Tổ B, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Linh Thị C - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Linh Thị C, cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Huỳnh D:

Cụ Linh Viêt L, sinh năm 1910 và cụ Thi Thị B, sinh năm 1913 là vợ chồng, các cụ có 02 người con là bà Linh Thị C và bà Linh Thị Đ; ngoài ra không có vợ, chồng, con đẻ và con nuôi nào khác. Cụ L chết năm 1984 và cụ B chết năm

1987 không để lại di chúc hoặc giấy tờ nào khác về việc cho tài sản. Quá trình cụ L và cụ B chung sống từ bắc vào nam từ năm 1954 có khai phá, tạo lập được khối tài sản chung khoảng 8.000m² tại khu phố 12 cũ, thị trấn LN và 3.000m² ruộng hiện nay đang do ông Vy Văn X quản lý sử dụng. Năm 1969, bà C lấy chồng là ông Huỳnh D được bố mẹ cho ở rể và nhập vào hộ khẩu của gia đình, ông D vừa nuôi cha mẹ và em nhỏ. Năm 1974, bà Đ lấy chồng là ông Vy Văn X. Trong thời gian dài bà C giữ em và giúp cha mẹ, đến khi em lấy chồng, vợ chồng ông bà đã lo toan tổ chức cưới hỏi. Sau khi bố mẹ chết thì diện tích đất trên do vợ chồng bà Đ, ông X trực tiếp sử dụng và sau khoảng 3 – 4 tháng đã chuyển nhượng diện tích 3.000m² cho người khác, hiện nay còn lại 5.577m² thuộc thửa 110, tờ bản đồ 101 (2007) thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Hiện nay ông X được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là di sản thừa kế của bố mẹ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G747999 ngày 06/3/1997 mang tên ông Vy Văn X đối với diện tích 5.450m² thửa 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT. Do hoàn cảnh gia đình bà C rất khổ nên vào năm 2018 bà C có đến xin bà Đ cho 01 lô đất cho người con gái tật nguyền bị mù nhưng ông X, bà Đ không cho còn thách thức khởi kiện nên ông bà đã khiếu nại và được Ủy ban nhân dân thị trấn LN lập biên bản hòa giải, đến ngày 14/10/2019 Tòa án nhân dân huyện ĐT thụ lý yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà C.

Bà Linh Thị C xác định di sản thừa kế của cụ L, cụ B là diện tích đất 5.450m² thửa 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT (*nay là thửa 110, tờ bản đồ 101 (2007) thị trấn LN*) nay là diện tích đất 5731.8m² căn cứ theo họa đồ đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐT, chưa phân chia thừa kế nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Linh Viết L, cụ Thi Thị B là diện tích đất 5731.8m² thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (*hiện nay là thửa đất 110, tờ bản đồ số 101 (2007) thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng*) với bà Linh Thị Đ, yêu cầu chia theo hiện vật, chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật về thừa kế. Ngoài ra, không yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản nào khác.

- Yêu cầu hủy 1 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 747999 ngày 06/3/1997 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp cho ông Vy Văn X đối với diện tích đất 5.450m² thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn bà Linh Thị U: bà đồng ý với lời trình bày của bà Linh Thị C về mối quan hệ hôn nhân giữa cụ L và cụ B; mối quan hệ huyết thống giữa bà Linh Thị U (*tên gọi khác là Linh Thị Đ*), bà Linh Thị C. Hai cụ có tạo lập được khối tài sản gồm 01 căn nhà ván lợp tôn, 3.000m² đất ruộng ở xã N'Thôn Hạ, khoảng 1.000m² đất vườn sát quốc lộ 20 và 8.000m² đất vườn. Bà C kết hôn với ông Huỳnh D ở chung cùng với bố mẹ đã bán 01 căn nhà ván lợp tôn, khoảng 1.000m² đất vườn sát quốc lộ 20 và cầm cố 3.000m² đất ruộng ở xã N'Thôn Hạ đi nơi khác mua đất, làm nhà. Bà có chuộc lại 3.000m² đất ruộng cho bà C làm để nuôi bố mẹ nhưng đến năm 1977 bà C hắt hủi bố mẹ phải sống riêng và tự nấu ăn ở dưới bếp,

đến năm 1978 bố mẹ phải dỡ căn nhà bếp bằng ván ra dựng sát vách nhà chị dâu họ để ở, hai cụ trực tiếp canh tác trên 8.000m² đất vườn và 3.000m² đất ruộng để sinh sống, vợ chồng bà làm trên đất để nuôi cha mẹ còn bà C không còn canh tác đến đất này nữa. Năm 1980 bố mẹ bà vì tuổi cao sức yếu nên quyết định cho vợ chồng bà số đất trên để canh tác nuôi bố mẹ, có làm đơn xin tập đoàn trưởng tên Lý Văn L cho ông X đứng tên để nhận phân bón và thuốc trừ sâu của tập đoàn canh tác trên diện tích đất trên. Khi bố mẹ chết thì vợ chồng bà phải bán đi 3.000m² đất vườn để lo mai táng, xây mộ và thờ cúng còn lại 5.000m² đất vườn ông bà trực tiếp canh tác và đất đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G747999 ngày 06/3/1997 mang tên ông Vy Văn X đối với diện tích 5.450m² thửa 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Vy Văn X vì bà cho rằng ông X là chủ gia đình. Hiện nay diện tích đất trên ông bà đã giao cho gia đình con trai Vy Văn Đ và Vy Thế V mỗi người sử dụng 1/2 diện tích từ năm 2001, 2011 và xây dựng nhà, làm các công trình, trồng cây trên đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Linh Viêt L, cụ Thi Thi B và yêu cầu hủy 1 phần của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vy Văn X thì bà không đồng ý. Bà xác định diện tích 5.450m² thửa 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT là tài sản của vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chồng bà là ông Vy Văn X, tài sản của bố mẹ đã phân chia cho bà Linh Thị C và bà quản lý, sử dụng; ông bà đã nuôi dưỡng và chăm lo cho bố mẹ từ lúc già yếu đến ma chay cho bố mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vy Văn X trình bày: ông là chồng bà Linh Thị U (tên gọi khác là Linh Thị Đ) và thống nhất với lời trình bày của bà U về quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống giữa cụ L, cụ B và bà Linh Thị C, bà Linh Thị U; thống nhất về tài sản và quá trình sử dụng tài sản của cụ L, cụ B. Đối với diện tích đất hiện nay bà C tranh chấp yêu cầu chia thừa kế thì đất có nguồn gốc từ năm 1977 ông bà chu cấp và phụng dưỡng bố mẹ được bố mẹ cho diện tích đất 8.000m² để canh tác và cho đứng tên hợp đồng lấy phân bón, các loại thuốc bảo vệ thực vật của tập đoàn. Khi cụ L cụ B chết ông bà chịu trách nhiệm toàn bộ lo ma chay và trả nghĩa cho mọi người góp gạo và phúng điếu, xây mộ. Do hoàn cảnh lúc đó khó khăn, nợ nần từ việc chăm sóc chữa bệnh và làm ma chay cho hai cụ nên ông bà phải chuyển nhượng 3.000m² đất vườn để trang trải mọi chi phí từ khi ốm đau đến làm ma chay, xây mộ trong khi đó bà C không chăm sóc, đóng góp tài chính cùng ông bà lo cho bố mẹ. Từ năm 1978 ông bà đã trực tiếp sử dụng toàn bộ diện tích 5.000m² để nuôi dưỡng bố mẹ, bà C không ngó ngàng đến việc canh tác đất. Năm 1988 ông đăng ký với tập đoàn trưởng để được cấp sổ đối với diện tích đất trên; tại thời điểm kê khai ông kê khai diện tích 4.000m² thửa 156, tờ bản đồ số 21 đến năm 1997 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G747999 ngày 06/3/1997 mang tên ông Vy Văn X đối với diện tích 5.450m² thửa 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT. Hiện nay diện tích đất trên ông bà đã giao cho con trai và Vy Thế V từ năm 2001, Vy Văn Đ từ năm 2011 mỗi người sử dụng 1/2 diện tích và xây dựng nhà trên đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L, cụ B và yêu

cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vy Văn X thì ông không đồng ý. Ông xác định diện tích 5.450m² thửa 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT là tài sản của vợ chồng ông, đã được nhà nước cấp quyền sử dụng đất hợp pháp và ông đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, ông là người đã phụng dưỡng bố mẹ nên có quyền được hưởng tài sản của bố mẹ và khi bố mẹ còn sống đã phân chia tài sản cho các con cụ thể bà C đã được bố mẹ cho bán 01 căn nhà ván lợp tôn, khoảng 1.000m² đất vườn sát quốc lộ 20 và 3.000m² đất ruộng để mua đất làm nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vy Văn Đ, bà Lê Thị H do ông Vy Văn Đ đại diện:

Ông là con trai của ông Vy Văn X và bà Linh Thị U. Ông thống nhất với lời trình bày của bố mẹ. Năm 2001 ông V được bố mẹ giao cho sử dụng toàn bộ diện tích đất; vào năm 2011 ông lập gia đình được bố mẹ cho canh tác trên 1/2 diện tích đất 5.450m² thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN mà hiện nay bà Linh Thị C đang tranh chấp về thừa kế. Quá trình sử dụng đất ông đã đóng góp và thực hiện nghĩa vụ để làm đường và kéo điện, đầu tư xây dựng nhà và trồng cây trên đất. Ông đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Hiện nay ông xác định diện tích đất trên là tài sản của bố mẹ ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vy Văn X và việc sử dụng, đầu tư trên đất của ông đều được sự đồng ý của bố mẹ nên ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế của cụ L cụ B và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vy Văn X. Gia đình ông gồm ông Vy Văn Đ, bà Lê Thị H và các con Vy Lê Bảo A, sinh ngày 05/01/2012 và Vy Lê Bảo H, sinh năm 09/8/2014 đang sinh sống trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vy Thế V, bà Luân Thị Y do ông V đại diện:

Ông là con trai của ông Vy Văn X và bà Linh Thị U. Ông thống nhất với lời trình bày của bố mẹ. Vào năm 2000 ông lập gia đình được bố mẹ cho trực tiếp canh tác trên đất và hiện nay sử dụng 1/2 diện tích đất 5.450m² thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN mà hiện nay bà Linh Thị C đang tranh chấp về thừa kế, vợ chồng ông đã làm nhà, làm các công trình, trồng cây trên đất và từ năm 2011 ông bà và vợ chồng ông Vy Văn Đ mỗi bên sử dụng 1/2 diện tích của thửa đất trên. Gia đình ông gồm Vy Thế V, bà Luân Thị Y và các con Vy Đức K, sinh ngày 27/3/2002 và Vy Luân Bảo N, sinh năm 2008 đang sinh sống trên đất, các công trình và cây trồng trên đất là do ông và bà Y tạo lập, các con chỉ ở cùng và không có công sức đóng góp gì. Ông bà có xây dựng 01 căn nhà trên đất diện tích 108m² vào tháng 6 năm 2020 và làm hàng rào, ông bà tự chịu trách nhiệm về việc xây dựng nhà, làm hàng rào. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý vì đây là tài sản của cha mẹ và ông sử dụng đất ổn định từ năm 2001, không có tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vy Đức K: cháu là con của ông Vy Thế V, bà Luân Thị Y; trong quá trình sinh sống cùng bố mẹ trên đất thì

cháu chỉ phụ giúp làm việc không có công sức đóng góp gì vào việc cải tạo, xây dựng công trình và trồng cây trên đất.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện ĐT:

Ngày 06/3/1997, ông Vy Văn X được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 747999 đối với 06 thửa đất với tổng diện tích 10.929m², trong đó có thửa đất số 198/5.450m² HNK, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT theo quyết định số 26/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lưu tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện không tìm thấy đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Vy Văn X do đã bị thất lạc trong quá trình luân chuyển hồ sơ trước đây. Tuy nhiên, theo hồ sơ cấp Giấy thể hiện hồ sơ kê khai đăng ký đất của ông Vy Văn X đã được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận thị trấn LN xét duyệt đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận và đã được niêm yết công khai theo quy định. Ngày 06/12/1996, Ủy ban nhân dân huyện có Tờ trình số 131/TT-UB về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 188 hộ gia đình tại thị trấn LN, trong đó có trường hợp ông Vy Văn X. Trên cơ sở tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện ĐT và kết quả thẩm tra của Sở Địa chính, ngày 06/3/1997 Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 26/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng đất tại thị trấn LN, trong đó có trường hợp ông Vy Văn X được cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có thửa 198, tờ bản đồ số 28, thị trấn LN. Như vậy, trình tự thủ tục cấp giấy được thực hiện theo đúng quy định.

Theo lời trình bày của người làm chứng ông Linh Văn Đ1:

Ông là trưởng tộc họ Linh có mối quan hệ họ hàng dòng tộc với bà Linh Thị C, bà Linh Thị U. Bỏn phận trách nhiệm bà Linh Thị C lấy chồng là Huỳnh D “ở rẻ” phải nuôi cha mẹ già và thụ hưởng gia tài. Năm 1976 bà C mua đất và làm nhà ở đường Trần Nguyên Hãn, xây xong nhà thì đuổi hai cụ ra khỏi nhà, hai cụ làm nhà tạm ở cạnh nhà cháu trai và tự lao động sinh sống, năm 1987 cụ L chết, bà Đ đưa mẹ về ở cùng. Khi hai cụ còn sống đã chia ông bà C 01 nhà, 03 sào đất và 1.000m² đất, còn 5.450m² đưa vào tập đoàn sản xuất khi tập đoàn giải thể thì trả lại cho bà Đ. Năm 1988 thực hiện chính sách kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của Nhà nước, bà C không đăng ký quyền sử dụng đất và không sử dụng đất trốn tránh trách nhiệm.

Theo lời trình bày của Người làm chứng ông Lý Văn L:

Ông là tập đoàn trưởng tập đoàn sản xuất 11 Nam Sơn, diện tích đất tranh chấp ông không nắm rõ về nguồn gốc; ông Vy Văn X đã đăng ký kê khai diện tích đất trên đưa vào tập đoàn quản lý từ năm 1983 đến năm 1993 và tập đoàn giao lại toàn bộ diện tích đất này cho ông X quản lý sản xuất. Tập đoàn và ông X có ký hợp đồng sản xuất, ông X được nhận phân bón thuốc trừ sâu từ tập đoàn và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ giao sản phẩm và nộp thuế. Sau khi tập đoàn sản xuất 11 Nam Sơn giải thể thì diện tích đất đã đưa vào tập đoàn được giao lại cho ông Vy Văn X được trực tiếp quản lý và sản xuất theo quy định pháp luật. Cụ L,

cụ B già yếu đăng ký đưa đất vào tập đoàn 3 nơi các cụ ở sau đó các cụ chuyển theo con gái đến tập đoàn 11 Nam Sơn quản lý nên chuyển diện tích đất trên vào tập đoàn 11 Nam Sơn và ông X đứng tên hợp đồng hai chiều nhận phân bón thuốc trừ sâu, thực hiện các nghĩa vụ và bán sản phẩm với tập đoàn 11 Nam Sơn, tập đoàn quản lý toàn bộ đất đai đến trước năm 1993 khi giải thể tập đoàn trao trả đất cho người trực tiếp sử dụng đất là ông Vy Văn X. Hiện nay không còn hồ sơ quản lý của Tập đoàn 11 Nam Sơn.

Theo lời trình bày của người làm chứng bà Vy Thị T:

Bà là chị gái ông Vy Văn X, bà có biết sự việc khi vợ chồng ông X rất khó nhưng đã đưa mẹ về nuôi dưỡng và chăm sóc cụ những ngày tuổi già đau bệnh đến khi cụ qua đời lo liệu chu toàn mọi hậu sự, hiện nay phần mộ của hai cụ vẫn ở trên phần đất của bố mẹ bà, sau khi cụ B mất có để lại cho 2 em bà một mảnh đất ở tổ 32, thị trấn LN hiện nay ông Vy Văn Đ, Vy Thế V đang ở và canh tác trên thửa đất đó.

Theo lời trình bày của người làm chứng ông Chu Văn C2:

Ông là hàng xóm của ông X, bà Đ; ông biết việc bà Đ nuôi mẹ và tiền hành lo ma chay khi cụ chết.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐT đã xử:

Không chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Linh Thị C về phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Linh Viết L, cụ Thi Thị B đối với di sản thừa kế diện tích đất 5.450m² thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (*hiện nay là thửa đất 110, tờ bản đồ số 101 (2007) thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng*) với bà Linh Thị U (*tên gọi khác Linh Thị Đ*).

Không chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Linh Thị C về việc hủy 1 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 747999 ngày 06/3/1997 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp cho ông Vy Văn X đối với diện tích đất 5.450m² thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 12/10/2022, nguyên đơn bà Linh Thị C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Linh Thị C là ông Huỳnh D vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư Trần Quang C, Nông X H và Phan Tấn V, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng cụ Linh Viết L và cụ Thi Thị Bảy không đưa diện tích đất tranh chấp vào tập đoàn vì thực tế các cụ vẫn canh tác sử dụng, việc bị đơn và ông Vy Viết Xuân tự ý đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ L, cụ B theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Linh Thị U (Đắc) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan UBND huyện ĐT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Vy Đức K đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà Linh Thị C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Linh Viết L, chết năm 1984 và cụ Thi Thị B, chết năm 1987. Tại thời điểm thụ lý vụ án yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C đối với diện tích đất 5.450m² thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT (*hiện nay là thửa đất 110, tờ bản đồ số 101 (2007)*) trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự và Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Đồng thời, bà C yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 747999 do UBND huyện ĐT cấp cho ông Vy Văn X ngày 06/3/1997 đối với diện tích đất trên. Bà Linh Thị U (Linh Thị Đ) không đồng ý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận cụ Linh Viết L, sinh năm 1910, chết năm 1984 và cụ Thi Thị B, sinh năm 1913, chết năm 1987; hai cụ là vợ chồng, có 02 người con chung tên Linh Thị C và Linh Thị U (*tên gọi khác Linh Thị Đ*); ngoài ra, hai cụ không có vợ, chồng, con chung, con riêng và con nuôi nào khác. Cụ L, cụ B chết không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất của 02 cụ là bà Linh Thị C và bà Linh Thị U (*tên gọi khác Linh Thị Đ*); thời điểm mở thừa kế của cụ L năm 1984 và thời điểm mở thừa kế của cụ B năm 1987. Các đương sự đều thừa nhận về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế; theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện do các đương sự thừa nhận không cần chứng minh.

[2.2] Về tài sản tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày khi còn sống cụ L, cụ B có 04 tài sản gồm: 01 căn nhà ván lợp tôn, 3.000m² đất ruộng ở xã N'Thôn Hạ, khoảng 1.000m² đất vườn sát quốc lộ 20 và hơn 8.000m² đất vườn tại khu phố 2, thị trấn LN, huyện ĐT. Nguyên đơn xác định chỉ tranh chấp diện tích đất 5.450m² thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT. Đối với tài sản trên đất xác định là của các con ông Vy Văn X nên không yêu cầu chia đôi với tài sản trên đất. Bị đơn cho rằng khi còn sống cụ L, cụ B đã đưa đất vào tập đoàn và cho vợ chồng bà diện tích đất trên, sau khi hợp tác xã tan rã đã nhận lại đất, canh tác sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không còn là di sản của cụ L, cụ B để lại nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, cần xác định diện tích đất 5.450m² thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT là đối tượng tranh chấp trong vụ án này.

Các đương sự đồng ý với kết quả thẩm định giá tài sản tại Chứng thư thẩm định giá ngày 06/4/2022 và ngày 09/6/ 2022 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt và đề nghị Tòa án căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá tài sản trên làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo Họa đồ đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐT ngày 17/3/2021 thể hiện phần diện tích đất do nguyên đơn xác định ranh theo các điểm 1, 2, 3, 4, 5 (tổng theo ranh hiện trạng theo các cọc mốc, hàng rào, gọi là vị trí A với diện tích 5.731,8m²); thuộc thửa đất số 110, một phần thửa đất số 144, tờ bản đồ số 101 (2014) tại thị trấn LN, huyện ĐT. Như vậy, diện tích đất 5.731,8m² thuộc thửa đất số 110 và một phần thửa đất số 144, tờ bản đồ số 101 (2014). Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 747999 do UBND huyện ĐT cấp cho ông X ngày 06/3/1997 đối với thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT hiện nay là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 101 có diện tích đất 5.450m². Phần diện tích còn lại 281,8m² (5.731,8m² - 5.450m²) thuộc một phần thửa đất số 144, tờ bản đồ số 101 (2014) nằm ngoài diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có cơ sở giải quyết trong vụ án này là có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Linh Thị C thấy rằng:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: từ năm 1978 vợ chồng ông Vy Văn X, bà Linh Thị U trực tiếp quản lý, sử dụng đất để nuôi dưỡng cụ L, cụ B. Ông Vy Văn X đăng ký kê khai quyền sử dụng đất tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 20/12/1988 có thửa đất số 156, tờ bản đồ số 21 (tờ bản đồ năm 1986) là thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vy Văn X (nay là thửa 110, tờ bản đồ 101 (2007) tại thị trấn LN) và tại Sổ mục kê do UBND thị trấn LN, huyện ĐT thực hiện quản lý nhà nước về đất đai thì thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT xác định tên chủ sử dụng đất là ông Vy Văn X, diện tích 5.450m². Đến ngày 06/3/1997, UBND huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 747999 cho ông Vy Văn X trong đó có diện tích đất 5.450m² thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh D và các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng diện tích đất 5.450m² thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT có nguồn gốc của cha mẹ bà C là cụ L, cụ B khai phá, đất không đưa vào tập đoàn nhưng vợ chồng ông X, bà U tự ý tiến hành đăng ký kê khai và được UBND huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/3/1997 là không đúng. Còn vợ chồng ông X, bà U thừa nhận nguồn gốc đất là của cụ L, cụ B khai phá nhưng sau đó cụ L, cụ B đã cho vợ chồng ông bà sử dụng; đến năm 1980 đưa vào tập đoàn 3, sau đó chuyển vào tập đoàn 11 và người trực tiếp quản lý, canh tác, sử dụng là vợ chồng ông bà; sau khi tập đoàn giải thể thì vợ chồng ông bà nhận lại đất và tiếp tục quản lý, sử dụng; đến năm 1997, vợ chồng ông bà tiến hành đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và sử dụng đất ổn định cho đến nay.

Xét lời trình bày của các bên về nguồn gốc đất diện tích đất 5.450m² tranh chấp được các bên thừa nhận là của cụ L, cụ B khai hoang, sử dụng không tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất đến năm 1978 cụ B, cụ L giao lại cho vợ chồng bà U, ông X trực tiếp canh tác sử dụng là có xảy ra trên thực tế. Do diện tích đất hiện đang tranh chấp được vợ chồng ông X, bà U trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định, liên tục, công khai từ năm 1978 đến nay. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất do có chủ trương, chính sách của nhà nước về việc các hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào tập đoàn để sản xuất; với vai trò là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất nên vợ chồng ông X, bà U đã đưa quyền sử dụng đất của mình vào tập đoàn; đến khi tập đoàn tan rã thì tập đoàn đã giao lại cho vợ chồng ông X, bà U tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất này. Điều này phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Lý Văn L (Tập đoàn trưởng tập đoàn sản xuất 11 Nam Sơn) *“Diện tích đất tranh chấp hiện nay ông Vy Văn X đã đăng ký kê khai đưa vào tập đoàn quản lý từ năm 1984 đến năm 1993 và tập đoàn giao lại toàn bộ diện tích đất này cho ông X quản lý, sản xuất. Tập đoàn và ông X có ký hợp đồng sản xuất, ông X đã nhận phân bón, thuốc trừ sâu từ tập đoàn và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ giao sản phẩm và nộp thuế. Sau khi tập đoàn sản xuất 11 Nam Sơn giải thể thì diện tích đất đã được đưa vào tập đoàn được giao lại cho ông X trực tiếp quản lý và sản xuất theo quy định”* nên việc nguyên đơn cho rằng cụ L, cụ B không đưa đất vào tập đoàn là không có cơ sở để chấp nhận.

Hơn nữa, nguyên đơn cũng thừa nhận vợ chồng ông X, bà U là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này liên tục, ổn định, công khai trong thời gian 43 năm và là người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật được thể hiện tại các biên lai thu thuế đất và khi bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp này nguyên đơn biết nhưng không có ý kiến phản đối hay khiếu nại về trình tự thủ tục xét cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất này.

Tại văn bản số 158/TNMT ngày 13/4/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐT trả lời trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số G 747999 đối với 06 thửa đất với tổng diện tích 10.929m² trong đó có thửa đất số 198/5.450m² HNK, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT theo quyết định số 26/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ xác định diện tích đất 5.450m² thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT (*nay là thửa 110, tờ bản đồ 101 (2007) thị trấn LN*) là của vợ chồng ông Vy Văn X, bà Linh Thị U, không phải di sản của cụ Linh Viết L và cụ Thi Thị B nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Do xác định diện tích đất 5.450m² thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT là của vợ chồng ông X, bà U không phải là di sản thừa kế của cụ L, cụ B nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 747999 do UBND huyện ĐT cấp cho ông Vy Văn X ngày 06/3/1997 đối với diện tích trên.

[3] Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Linh Thị C.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bà Linh Thị C không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay bà C đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi. Vì vậy, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà C được miễn toàn bộ án phí nên Tòa án cấp phúc thẩm miễn án phí phúc thẩm cho bà C là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Linh Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2022/DSST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Linh Thị C về phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Linh Viết L, cụ Thi Thị B đối với diện tích đất 5.450m² thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (*hiện nay là thửa đất 110, tờ bản đồ số 101 (2007) thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng*) với bà Linh Thị U (*tên gọi khác Linh Thị Đ*).

2. Không chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Linh Thị C về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 747999 do UBND huyện ĐT cấp cho ông Vy Văn X ngày 06/3/1997 đối với diện tích đất 5.450m² thuộc thửa đất số 198, tờ bản đồ số 28 tại thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Linh Thị C phải chịu 23.374.000 đồng và ông Vy Văn Đ, ông Vy Thế V phải chịu 3.780.000 đồng (các đương sự đã nộp đủ).

4. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Linh Thị C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. ĐT;
- Chi cục H. ĐT;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thành Tâm